

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**Quý I năm 2009**

Đơn vị tính : Triệu đồng

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.160.210	3.274.380
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	329.545	991.352
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	374.002	217.718
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	648.727	699.311
4	Hàng tồn kho	1.755.360	1.323.643
5	Tài sản ngắn hạn khác	52.576	42.356
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.724.886	2.763.958
1	Các khoản phải thu dài hạn	28.606	28.196
2	Tài sản cố định	1.804.745	1.828.893
	- Tài sản cố định hữu hình	1.413.526	1.407.283
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	35.017	31.470
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	356.202	390.140
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	647.899	647.097
5	Tài sản dài hạn khác	243.636	259.773
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.885.096	6.038.339
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.121.759	865.647
1	Nợ ngắn hạn	939.888	668.938
2	Nợ dài hạn	181.871	196.708
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.763.337	5.172.692
1	Vốn chủ sở hữu	4.667.139	5.113.931
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.752.757	1.752.757
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948	1.064.948
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	869.697	919.341
	- Quỹ dự phòng tài chính	175.276	175.276
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	804.461	1.201.610
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	96.198	58.762
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.198	58.762
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.885.096	6.038.339

II.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chi tiêu	Quý I-2008	Quý I-2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.809.804	2.113.036
2	Các khoản giảm trừ	(32.396)	(41.035)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.777.408	2.072.001
4	Giá vốn hàng bán	(1.252.330)	(1.405.554)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.078	666.447
6	Doanh thu hoạt động tài chính	129.416	80.897
7	Chi phí tài chính	(100.809)	91.556
8	Chi phí bán hàng	(203.671)	(216.890)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(56.623)	(58.225)
10	. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	293.391	563.785
11	. Thu nhập khác	38.500	20.748
12	. Chi phí khác	(1.105)	(196)
13	. Lợi nhuận khác	37.395	20.552
14	. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	330.786	584.338
15	. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.036)	(87.902)
16	. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	294.749	496.436
17	. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.682	2.832
18	. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		



Ngày 25 tháng 4 năm 2009

Trưởng ban Kế toán Tổng hợp

Phó TGD phụ trách Tài Chính

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Hùng

Ngô Thị Thu Trang

Mai Kiều Liên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Quý I năm 2009

Đơn vị tính : Triệu đồng

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.187.605	3.301.808
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	338.654	1.000.060
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	374.002	220.718
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	646.385	690.988
4	Hàng tồn kho	1.775.342	1.346.422
5	Tài sản ngắn hạn khác	53.222	43.621
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.779.354	2.803.672
1	Các khoản phải thu dài hạn	475	64
2	Tài sản cố định	1.936.923	1.959.929
	- Tài sản cố định hữu hình	1.529.187	1.522.023
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	50.868	47.321
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	356.868	390.585
3	Bất động sản đầu tư	27.489	27.489
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	570.657	556.205
5	Tài sản dài hạn khác	243.810	259.985
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.966.959	6.105.480
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.154.432	889.682
1	Nợ ngắn hạn	972.502	692.915
2	Nợ dài hạn	181.930	196.766
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.761.913	5.164.943
1	Vốn chủ sở hữu	4.665.715	5.106.177
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.752.757	1.752.757
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948	1.064.948
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	869.697	919.341
	- Quỹ dự phòng tài chính	175.276	175.276
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	803.037	1.193.856
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	96.198	58.766
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	96.198	58.766
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	50.614	50.855
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.966.959	6.105.480



II.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chỉ tiêu	Quý I-2008	Quý I-2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.804.944	2.109.616
2	Các khoản giảm trừ	(32.396)	(41.035)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.772.548	2.068.581
4	Giá vốn hàng bán	(1.246.327)	(1.397.814)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.221	670.767
6	Doanh thu hoạt động tài chính	129.505	80.967
7	Chi phí tài chính	(86.725)	(35.452)
8	Chi phí bán hàng	(203.674)	(216.890)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(57.993)	(59.860)
10	. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	307.334	439.532
11	. Thu nhập khác	39.911	25.567
12	. Chi phí khác	(2.534)	(5.131)
13	. Lợi nhuận khác	37.377	20.437
14	. Lỗ trong liên doanh	(13.537)	113.358
15	. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	331.174	573.327
16	. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.036)	(87.902)
17	. Lợi ích cổ đông thiểu số	585	(242)
18	. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	295.723	485.183
18	. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.687	2.768
18	. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		



Ngày 25 tháng 4 năm 2009

Trưởng ban Kế toán Tổng hợp

Phó TGD phụ trách Tài Chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng

Ngô Thị Thu Trang

Mai Kiều Liên